

+ 5 âm tiết: tái sản xuất mở rộng; sử dụng có hiệu quả,...

+ 6 âm tiết: cải tạo xã hội chủ nghĩa; cơ sở vật chất kỹ thuật; tiến bộ khoa học kỹ thuật; nguyên tắc tập trung dân chủ; pháp chế xã hội chủ nghĩa.

6) Các thành ngữ được dùng trong ngôn ngữ báo chí thường ít có tính dân tộc hơn những thành ngữ được dùng trong các tác phẩm văn học hoặc trong khẩu ngữ. Và phần lớn chúng đều được dịch một cách dễ dàng sang các ngôn ngữ khác.

7) Từ vựng là một hệ thống mở. Luôn luôn có tình trạng một hiện tượng ngôn ngữ này mất đi cùng với sự xuất hiện một hiện tượng ngôn ngữ khác. Đối với thành ngữ cũng có hiện tượng như vậy. Trong số 103 thành ngữ 4 âm tiết mà chúng tôi đã gặp có khá nhiều thành ngữ không thấy có trong cuốn "Thành ngữ tiếng Việt" của hai tác giả Nguyễn Lực và Lương Văn Đăng⁽¹⁾. Và chúng cũng không có mặt trong các loại từ điển thành ngữ khác. Như vậy có nghĩa là đã đến lúc phải tính đến việc xuất bản một cuốn thành ngữ mới, trong đó thu thập đầy đủ những thành ngữ mới xuất hiện và được dùng nhiều từ sau ngày thống nhất đất nước.

8) Trong ngôn ngữ nói chung (khẩu ngữ, ngôn ngữ nghệ thuật, ngôn ngữ báo chí,...), thành ngữ có vai trò khá quan trọng. Vì vậy, trong việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, việc dạy cho sinh viên ngoại quốc hiểu và sử dụng được những thành ngữ thông dụng là điều hết sức cần thiết. Hiểu và sử dụng được thành ngữ là một trong những dấu hiệu cơ bản chứng tỏ người học đã nắm được ngoại ngữ.

Tháng 11/1982 và tháng 3/1991

Hoạt động của "xong" và "rồi"

HỒ BÌNH THIÊN và NGUYỄN ANH QUẾ

I- Nhận xét chung:

1) Vấn đề biểu hiện ý nghĩa thời-thể nói chung của XONG và RỒI nói riêng trong tiếng Việt:

Ai cũng biết rằng, ngôn ngữ Ấn-Âu mang một phạm trù thời thể rõ ràng.

Phạm trù thời ở đó vừa mang vị ngữ tính và tình thái tính, nó phụ thuộc vào đại từ nhân xưng trong cách chia thời thể của động từ, nó có tính thời gian. Trong tiếng Việt vấn đề thời-thể cũng đã được nhiều nhà ngôn ngữ đề cập đến một cách khá sâu. Lê Văn Lý cho rằng những từ chứng của động từ và tính từ có những hình vị có ý nghĩa về thể và thời...

Ông không đề cập đến vấn đề Phạm trù thời-thể. Nguyễn Kim Thành thì cho rằng: "Phạm

(1) Nhà xuất bản "Khoa học xã hội" - Hà Nội 1978.

trừ thời không phải là phạm trù ngữ pháp đặc biệt của động từ tiếng Việt; *Đã, đang, sẽ, vừa, mới...* là những từ chỉ thời-thể tức là chỉ sự tiến hành hay hoàn thành trong thời gian và việc sử dụng những phó từ biểu thị thể-thời ở bộ phận vị ngữ thuộc về phạm vi cấu trúc của câu". Đinh Văn Đức thì cho rằng hoạt động của động từ diễn ra trong thời gian theo hai khía cạnh: a) quan hệ với thời điểm phát ngôn, b) diễn biến của vận động. Sự thống nhất của hai khía cạnh đó cho phép một số từ phụ trong tiếng Việt có được khả năng diễn đạt ý nghĩa thời-thể.

Qua một vài nhận xét về ý nghĩa thời-thể trong tiếng Việt của một số nhà nghiên cứu ngôn ngữ nói trên, chúng tôi xin phép được đi sâu vào ý nghĩa thời-thể của RỒI và XONG. Làm được việc này là góp được một phần nhỏ vào việc dạy tiếng Việt thực hành cho người nước ngoài.

II- Hoạt động của XONG:

XONG và các hoạt động của XONG biểu đạt thể hoàn thành.

a) Chúng ta biết rằng giữa thực từ và hư từ có sự khác biệt. Thực từ mang ý nghĩa từ vựng rõ nét, còn hư từ, nói chung chỉ mang ý nghĩa ngữ pháp. Tất nhiên, trong quá trình vận động của ngôn ngữ, một số thực từ có chiều hướng hư hoá biến thành hư từ (như sắp rồi...). Ở đây, XONG đang nằm ở loại từ nào?

XONG còn là một động từ tức là nó vẫn còn ý nghĩa từ vựng, có khả năng tham gia vào cụm từ và có khả năng độc lập tạo câu.

Thí dụ:

- "Bao giờ thì xong nhỉ?
- Cái gì đã xong?
- Xong chiến tranh.

Lê Khánh (Vợ chồng xã hội).

b) Vì XONG còn là động từ cho nên nó có khả năng có các phó từ chỉ thời gian (sắp đã...) hay từ phủ định, chưa, chẳng, không... đi kèm.

Ví dụ: ăn sắp xong +
 ăn đã xong +
 ăn chưa xong +
 ăn chẳng xong +

Một vài thí dụ trong tác phẩm văn học:

Kiếp này nợ trả chưa xong
Làm chi thêm một nợ chồng kiếp sau.

Nguyễn Du (Kiều)

- Không xong rồi, đúng không?

Như vậy *XONG* trong các ví dụ trên đây dù có từ chỉ thời hay không thì nó vẫn được hiểu là hoạt động đã hoàn thành.

c) Vì *XONG* là động từ như đã nói ở trên, nên trong lời nói cũng như trong văn viết, nó có thể tách ra khỏi động từ phức mà nó tham gia. Thí dụ:

- Tôi ăn cơm *xong* : ăn : đã hoàn thành
- Tôi đã ăn cơm *xong* : ăn : đã hoàn thành
- Tôi đã ăn *xong* cơm : ăn : đã hoàn thành.

Khi *xong* đặt cuối câu để nhấn mạnh sự hoàn thành của hoạt động, nó có thể kết hợp với *rồi* thành *xong rồi*.

- Tôi ăn cơm *xong rồi*.
- Tôi đã ăn cơm *xong rồi*.

II- Hoạt động của RỒI:

RỒI và các hoạt động của RỒI:

Rồi cũng như *xong* đều được xếp vào loại từ để chỉ ý nghĩa hoàn thành trong tiếng Việt. Nhưng giữa chúng có những sự giống nhau và khác nhau rõ rệt.

1) Ý nghĩa *xong* với tư cách là động từ mạnh hơn *rồi*, mặc dù chúng đều biểu đạt một hoạt động đã kết thúc. Trong toàn bộ tác phẩm "Kiều" có 15 câu sử dụng *rồi* và *xong* với tỷ lệ 13 từ *rồi* (là phó từ hay liên từ) 3 từ *xong* (động từ).

2) Trong các kết cấu có *xong* và *rồi*, nếu chêm vào giữa các yếu tố chỉ thời như *đã*, *lúc*, *đang*, *đang*... thì sẽ thấy *rồi* không thể dung nạp được các yếu tố đó:

- ăn sắp *xong* + ăn sắp *rồi* - ăn *rồi* +
- ăn *đã* *xong* + ăn *đã* *rồi* -

Ở những thí dụ trên, *rồi* được xem như một trạng tố chỉ sự hoàn thành.

3) *Rồi* có thể đi với các động từ chỉ trạng thái kiểu như: ngủ, chết, được... còn *xong* không thể kết hợp với chúng.

- ngủ *rồi* + ngủ *xong* -
- chết *rồi* + chết *xong* -
- được *rồi* + được *xong* -

4) *Rồi* là một hư từ nên về mặt ngữ pháp nó có nhiều chức năng và có thể kết hợp với một số từ khác.

a) Có tính động từ. Thí dụ:

- Hoà bình *rồi*, cũng phải thu xếp cuộc sống sao cho kha khá một chút chứ.

Khuất Quang Thụy (Anh Súc)

Câu trên là một loại câu đối đáp, khẩu ngữ. Chính vì vậy mà người đọc có thể hiểu "hoà bình trở lại rồi", vậy thì rồi chỉ đóng vai trò như một phó từ thời để biểu thị một hành động đã lặp lại.

b) Trợ từ:

Rồi còn kết hợp với các động từ khác để biểu thị hành động đã hoàn thành và lúc luôn đứng ở cuối câu hoặc cuối đoạn ngữ. Thí dụ:

- Chúng mày đâu rồi, ra thầy chia quà cho nào!

Kim Lân (Về làng).

Thổ quan theo gót vôi vàng

Thì đà dấm ngọc chìm hương mất rồi.

Nguyễn Du (Kiều)

c) Liên từ: với ý nghĩa: sau đó, tương lai

Chát chiu gán bó một hai

Cho đành rồi sẽ liệu bài một hai

Nguyễn Du (Kiều)

- Nói 2 mệnh đề:

+ Ở nơi đó, tôi đã đón một con bồ câu trắng rồi tôi lại thả cho nó bay đi

Bùi Hiến (Một kỷ niệm)

d) Rồi: đi với tính từ, bổ nghĩa cho tính từ đó.

- đẹp rồi, hay rồi, đúng rồi, già rồi, nhất rồi "... được ghé về thăm vợ, thăm con, là nhất rồi, hết ý rồi."

Khuất Quang Thụy (Anh Súc)

đ) Các kết hợp của rồi với một số từ khác, trở thành ngữ khí từ. Trong những trường hợp đó, rồi không biểu đạt quá khứ hay hoàn thành, kết thúc của hoạt động mà chỉ tăng tính tu từ, tính hấp dẫn của câu. Các kết hợp đó thường đặt cuối câu. Chẳng hạn

- Quá rồi: "Anh cho em thì thích quá rồi".

Bùi Hiến (Cái mũ)

- Lắm rồi: Thủ trưởng của chúng ta dạo này chịu chơi lắm rồi.

Khuất Quang Thụy (Anh Súc)

- đi rồi: "Ràng:quen mất nét đi rồi"

Nguyễn Du (Kiều)

e) Rồi, có khi là phó từ, có khi là liên từ nên trong một số câu, khi rồi đứng giữa làm người đọc dễ lẫn lộn chức năng của nó, từ đó dẫn đến sai nghĩa của toàn câu. Ví dụ

- Chúng tôi cứ giao đủ cho nơi nhận theo hoá đơn là được / rồi / ai biết đó là đâu

Khuất Quang Thụy (Anh Súc)

Bởi lẽ đó, khi đọc, nhất là hướng dẫn đọc cho người nước ngoài, cần ngắt đoạn cho đúng kết hợp của rồi.

g) *Rồi*, ngoài những chức năng trên, nó còn có khả năng **đứng độc lập để tạo câu (câu đơn đặc biệt)** hoặc đứng đầu câu để nối ý của câu trên với ý câu dưới.

+ **Đứng độc lập:**

- Con Thanh đã về rồi đấy à?

- Rồi

Nguyễn Công Hoan

+ **Đứng đầu câu:**

- Rồi, cái ranh giới cuối cùng cũng phải đến.

Khuất Quang Thụy

- Được rồi, nắm chắc tình hình cụ thể rồi tôi sẽ ý kiến thẳng với giám đốc.

Nhật Tuấn (Trang 17)

- Phải rồi, những điều mình nói chính là những trang đẹp nhất trong sáu mươi trang đã qua.

Nhật Tuấn (Trang 17)

- Thế rồi, chui ra sau xe, đưa tay dùm anh xuống.

Anh Đức (Miền sông vồ)

IV/ Vài kết luận bước đầu:

Qua khảo sát hoạt động của hai từ *XONG* và *RỒI* trong tiếng Việt, chúng tôi thấy rằng giữa chúng có những nét chung và riêng.

a) **Những nét chung:** Hai từ này đứng trong đoạn ngữ động từ hay đoạn ngữ tính từ đều biểu đạt ý nghĩa quá khứ hoàn thành của vị từ (hay yếu tố chính của đoạn ngữ đó). Nếu *xong* kết hợp với *rồi* thành *xong rồi* đặt cuối đoạn ngữ thì ý nghĩa thời-thể (quá khứ hoàn thành) của nó mạnh hơn. Có thể nói rằng, *rồi* nói chung là một hư từ, một công cụ ngữ pháp trong câu, nhưng nó chưa hư hoá hoàn toàn vì thẳng hoặc đây đó nó có chức năng như một thực từ-động từ, có khả năng đứng độc lập tạo câu. Trong một vài kết cấu, dù là rất ít gặp, *rồi* được tách ra khỏi kết cấu bằng *đã* để đứng ra như một động từ.

- Việc đã *rồi*, nhắc lại làm chi!

Vậy, *xong* và *rồi* đều là động từ nhưng ở *rồi* ý nghĩa động từ mờ nhạt, bị hư hoá mạnh.

b) **Những nét riêng:**

- *Xong*: khi là động từ, nó có chức năng như những động từ hoàn thành khác, kiểu như: - *xong* - được, nốt, hết, v.v...

- *Xong* chưa bị hư hoá hoàn toàn nên còn có khả năng mở rộng kết cấu có *xong*.

- *Rời*: về cơ bản là một hư từ, không có khả năng mở rộng kết cấu cơ rời.
- *Rời* chủ yếu dùng để làm một công cụ ngữ pháp trong câu (phó từ hay liên từ).
- *Rời* thường nằm cuối đoạn ngữ hay cuối câu nên phạm vi sử dụng trong lời nói, trong đối đáp, tính khẩu ngữ khá cao.
- *Rời* kết hợp được với các động từ tình thái đóng vai trò như một trạng tố chỉ thời, và nó cũng kết hợp được với một số tính từ chỉ tính chất với chức năng như một ngữ khí từ.

VỀ CÁC YẾU TỐ NGỮ ÂM TRONG CÁC TỪ GẦN NGHĨA

NGÔ THỊ BÍCH THU

1) Lý thuyết vô đoán của Saussure cho rằng quan hệ giữa vô ngữ âm của từ (cái biểu hiện) và ý nghĩa bao gồm ý nghĩa biểu vật và ý nghĩa biểu niệm của từ (cái được biểu hiện) là quan hệ vô đoán. Lý thuyết đó hoàn toàn đúng trong một từ riêng rẽ nào đó. Nhưng vì cái biểu hiện (tức vô ngữ âm) là hữu hạn trong khi nghĩa (tức ý nghĩa) là vô hạn cho nên trong quá trình tạo từ cho một ngôn ngữ không phải bao giờ mối quan hệ đó cũng là vô đoán. Theo các nhà nghiên cứu thì tiếng Việt chỉ có khoảng gần 6.100 âm tiết, trong khi đó vốn từ của nó ít nhất cũng phải tính đến hàng vạn. Vì thế giữa các từ khác nhau về ý nghĩa có thể xảy ra mấy kiểu quan hệ ngữ âm sau đây:

a) Hai từ hoặc hơn hai từ cùng âm nhưng khác nghĩa. Ví dụ bàn (bạc) và (cái) bàn. Đó là những từ đồng âm tuyệt đối.

b) Hai hoặc hơn hai từ đồng nghĩa khác âm.

Ví dụ: ăn, xôi, chén. Đó là những từ đồng nghĩa.

c) Hai hoặc hơn hai từ cùng âm gần nghĩa:

Ví dụ: cửa - cái cửa và cửa gỗ.

ăn cơm (nuốt) và ăn khách.

Kiểu quan hệ giữa âm và nghĩa của những từ này hiện có nhiều ý kiến khác nhau, có người cho là các từ đồng âm, có người cho là các nét nghĩa của một từ. Chúng tôi sẽ có dịp trở lại hiện tượng này trong một bài viết khác.

d) Hai hoặc hơn hai từ gần âm gần nghĩa .

Kiểu quan hệ giữa âm và nghĩa của những từ này có nhiều nét rất đặc biệt mà chúng tôi cho rằng đây là đường nét chủ yếu trong quá trình tạo từ của tiếng Việt. Xem xét đây đủ các mối liên hệ giữa âm và nghĩa ở các từ này một mặt giúp cho ta thấy rõ các yếu tố ngữ âm (cái biểu đạt) không đơn thuần chỉ đóng vai trò thụ động mà thật ra nó cũng rất